

Bản án số: 196/2020/DS-PT
Ngày : 26 - 11 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán:

Ông Đặng Văn Lộc

Ông Phạm Trường Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Bùi Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2020/TLPT – DS ngày 16 tháng 10 năm 2020, về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 273/2020/QĐPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ngọc A; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Bị đơn: Bà Hồ Thị Xuân A1 (Đ); địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Phạm Văn H; địa chỉ: khóm M, thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long theo văn bản ủy quyền ngày 24/11/2020 (có mặt).

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn L; cùng địa chỉ bị đơn (có mặt).

2. Chị Nguyễn Ngọc H; cùng địa chỉ bị đơn (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Bà Võ Thị L; địa chỉ: ấp Phong Thới, thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Tr; địa chỉ: ấp Trung Trị, xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3. Bà Đỗ Thị Th; địa chỉ: ấp Trung Trị, xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Hồ Thị Xuân A1 (Đ) là Bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 8 năm 2019 nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ngọc A trình bày: trong năm 2017 ông có cho bà Hồ Thị Xuân A1 vay tiền 02 lần, lần 1 vào ngày 10/6/2017 bà A1 cùng con gái tên Nguyễn Ngọc H đến nhà ông vay 30.000.000 đồng, lần 2 ngày 25/9/2017 bà A1 cùng H vay thêm 70.000.000 đồng, do bà A1 không đóng tiền lãi nên ông phải đóng lãi thay cho bà số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, ông A khởi kiện yêu cầu bà A1, chồng bà A1 là ông Nguyễn Văn L và con bà A1 là chị Nguyễn Ngọc H cùng có nghĩa vụ trả cho ông A 120.000.000 đồng và 24 tháng tiền lãi theo mức 1,5%/tháng.

Tại biên bản hòa giải ngày 03/10/2019 ông A trình bày ông cho bà A1 vay tiền 04 lần như sau:

Lần 1: Ngày 10/6/2017 bà A1 đến nhà ông vay 30.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, có làm biên nhận, bà anh ký tên Nguyễn Thị Đ (do ở nhà bà A1 tên Đào).

Lần 2: Ngày 25/9/2017 ông cho bà A1 và con gái của bà là chị Nguyễn Ngọc H vay thêm 50.000.000 đồng có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận mỗi ngày cứ 1.000.000 đồng tiền vốn là 3.000 đồng tiền lãi (tức 150.000đ/ngày), mục đích vay tiền để tổ chức tiệc cưới cho H.

Lần 3: Ngày 10/10/2017 ông cho bà A1 vay 20.000.000 đồng, có làm biên nhận, lãi suất 9%/tháng, bà A1 nói vay tiền để về thanh toán nợ nần do tổ chức lễ cưới cho con.

Lần 4: cách lần vay thứ 3 khoảng 10 ngày bà A1 gọi điện thoại vay của ông 20.000.000 đồng để lấy tiền này đóng lãi cho các lần vay trên nên không có làm biên nhận cũng không tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông A rút yêu cầu trả tiền lãi và rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Nguyễn Ngọc H, nghĩa là ông A chỉ yêu cầu bà A1 và ông L trả cho ông A 120.000.000 đồng tiền vốn.

* Tại các biên bản hòa giải trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Hồ Thị Xuân A1 trình bày: Bà A1 hoàn toàn không có vay tiền của ông A, các biên nhận do ông A tự viết và ký tên bà A1 không có viết và cũng không ký tên. Nay ông A yêu cầu bà A1 trả số tiền vay 120.000.000 đồng bà A1 không đồng ý.

* Tại bản khai ý kiến ngày 03/10/2019, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông là chồng của bà Hồ Thị Xuân A1 (tên thường gọi là Đ), bà A1 nói không có vay tiền của ông A, ông A không có đến nhà ông để yêu cầu bà A1 trả tiền lần nào hết. Việc ông A cho rằng bà A1 vay tiền của ông A để tổ chức tiệc cưới cho con là hoàn toàn không đúng vì tiền tổ chức tiệc cưới cho con ông là tiền của ông bỏ tiền ra và người nhà ông tự nấu nướng để đãi tiệc. Do đó, ông không chấp nhận yêu cầu của ông A đòi ông cùng bà A1 trả cho ông A 120.000.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ngọc A.

Buộc bà Hồ Thị Xuân A1 phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn Ngọc A số tiền vay vốn là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ngọc A yêu cầu bà Hồ Thị Xuân A1 và ông Nguyễn Văn L phải trả cho ông Nguyễn Văn Ngọc A số tiền vay là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông A về việc yêu cầu chị Nguyễn Ngọc H cùng có trách nhiệm trả tiền vay với bà Hồ Thị Xuân A1 và ông Nguyễn Văn L.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ngọc A về việc yêu cầu tính lãi.

Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Hồ Thị Xuân A1 phải nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Buộc ông Nguyễn Văn Ngọc A phải nộp 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 4.080.500đ (Bốn triệu không trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số N⁰0007614 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm thu. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Ngọc A số tiền 580.500đ (Năm trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm đến ngày 30/7/2020 bị đơn Hồ Thị Xuân A1 kháng cáo không đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn Ngọc A 50.000.000 đồng và chịu tiền án phí sơ thẩm như án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà A1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà A1, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông A đòi bà A1 trả 50.000.000 đồng tiền vay, ông A chịu án phí sơ thẩm, bà anh không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tuyên án sơ thẩm, đến ngày 30 tháng 7 năm 2020 Bị đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông A thừa nhận việc ông cho bà A1 vay tiền không có lập hợp đồng bằng văn bản, tất cả các biên nhận ông giao nộp cho Tòa đều là bản photo và do ông tự viết và ký tên Hồ Thị Xuân A1 chứ bà A1 không có viết và ký tên vào các biên nhận, đối với 02 biên nhận ký tên Hồ Thị Đ thì bà A1 có ký tên nhưng ông đã trả biên nhận gốc lại cho bà A1 nên ông không có bản gốc mà chỉ có bản photo. Căn cứ để ông khởi kiện đòi bà A1 trả tiền là dựa vào lời khai của những người làm chứng, ngoài ra ông không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh việc bà A1 vay tiền của ông.

[2.2]. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại đơn khởi kiện ông trình bày bà A1 và con gái của bà là chị H đến nhà ông vay tiền 02 lần, lần thứ nhất vay 30.000.000 đồng, lần thứ hai vay 70.000.000 đồng.

Tại buổi hòa giải ngày 03/10/2019 (bút lục 37-38) ông trình bày cho bà A1 vay 04 lần: lần thứ nhất bà đến nhà ông nhận 30.000.000 đồng, lần thứ hai bà và chị H đến nhà ông nhận 50.000.000 đồng, lần thứ ba bà nhận 20.000.000 đồng tại nhà ông, lần thứ tư bà vay 20.000.000 đồng nhưng để trả tiền lãi cho các lần vay trước nên bà không có nhận tiền.

Tại đơn yêu cầu thu thập chứng cứ của ông A ghi ngày 23/4/2020 (bút lục 55) ông trình bày: ngày 10/6/2017 ông đến nhà bà Võ Thị L thỏa thuận vay của bà L 120.000.000 đồng, sau đó ông chở bà A1 đến nhà bà L, ông và bà A1 nhận đủ số tiền 120.000.000 đồng từ bà L, xong ông đưa hết cho bà A1 có sự chứng kiến của bà L.

Tại phiên tòa sơ thẩm (bút lục 84-88) ông A trình bày: cho bà A1 vay tiền 04 lần, trong đó có lần vay thứ hai vào ngày 25/9/2017 là ông chở bà A1 đến nhà bà L, sau khi ông nhận từ bà L số tiền 50.000.000 đồng thì ông giao ngay lại cho bà A1, bà anh đóng tiền lãi cho ông bao nhiêu thì ông giao lại cho bà L bấy nhiêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông A trình bày trước đây ông cho bà A1 vay nhiều lần số tiền trên 120.000.000 đồng, vay xong rồi trả rồi vay tiếp cứ như thế cuối cùng còn lại 120.000.000 đồng bà A1 không trả nên ông mới nộp đơn khởi kiện đòi bà trả 120.000.000 đồng.

Lời trình bày của ông A trước sau không thống nhất về các lần giao nhận tiền cũng như về thời gian, địa điểm, đối tượng giao nhận tiền. Nhất là đối với lần cho vay thứ hai, khi thì ông trình bày giao tiền cho bà A1 và con của bà tại nhà ông số tiền 70.000.000 đồng vào ngày 25/9/2017 có làm biên nhận, khi thì giao tiền cho bà A1 tại nhà bà L số tiền 50.000.000 đồng không làm biên nhận, lúc lại trình bày giao cho bà A một lần đủ 120.000.000 đồng vào ngày 10/6/2017 tại nhà bà L.

Ngoài ra, qua xem xét các biên nhận ông A giao nộp cho Tòa án, mặc dù là bản photo và ông thừa nhận là do ông tự viết nhưng trên các biên nhận cũng đã thể hiện sự mâu thuẫn, cụ thể tại các biên nhận nợ (đóng bút lục 09, 10) nội dung ghi bà Nguyễn Thị Đ vay tiền của ông A tổng cộng 03 lần bằng 100.000.000 đồng ký tên Nguyễn Thị Đ, nhưng tại các biên nhận nợ (đóng bút lục 46, 47, 48) nội dung ghi bà Hồ Thị Xuân A1 vay của ông A 04 lần tổng cộng 120.000.000 đồng ký tên Hồ Thị Xuân A1.

Qua đó cho thấy, lời khai của ông A rất mâu thuẫn, bắt nhất không đủ căn cứ chứng minh bà A1 có vay của ông 50.000.000 đồng.

[2.3]. Xem xét lời trình bày của những người làm chứng.

Đối với bà Võ Thị L, tại giấy xác nhận ngày 15/10/2019 (bút lục 45) bà L trình bày bà cho ông A vay tiền 04 lần: lần thứ nhất ngày 10/6/2017 vay 30.000.000 đồng, ngày 25/9/2017 vay 50.000.000 đồng, ngày 10/10/2017 vay 20.000.000 đồng, ngày 22/4/2018 vay 20.000.000 đồng, tất cả những lần ông A đến nhà bà vay tiền đều chở theo bà A1, sau khi ông A nhận tiền của bà xong thì bà tận mắt chứng kiến ông A giao hết lại cho bà A1. Tuy nhiên tại biên bản lấy

lời khai ngày 08/5/2020 (bút lục 60) bà L khai: năm 2017 bà cho ông A vay tiền 02 lần, lần thứ nhất vay 70.000.000 đồng ông A nói đem về cho bà A1 vay lại còn việc ông A có giao tiền cho bà A1 hay không thì bà không biết, lần thứ hai ông A cùng bà A1 đến nhà bà vay 50.000.000 đồng sau khi ông A nhận tiền xong thì bà tận mắt thấy ông A giao tiền lại cho bà A1. Ngoài ra tại phiên tòa sơ thẩm bà L còn trình bày trước thời điểm ông A vay của bà số tiền 50.000.000 đồng thì ông A có vay của bà 03 lần, lần thứ nhất vay 30.000.000 đồng, lần thứ hai và lần thứ ba đều vay 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L trình bày bà chỉ biết việc ông A cho bà A1 vay 50.000.000 đồng vì lần đó ông A có chở bà A1 đến nhà bà, còn những lần khác ông A có cho bà A1 vay tiền hay không thì bà không biết.

Lời trình bày của bà L cũng bất nhất và có phần mâu thuẫn trong những lần cung cấp lời khai và mâu thuẫn với lời trình bày của ông A. Ngoài ra theo ông A trình bày bà L là người cho ông vay tiền để ông cho bà A1 vay lại, như vậy việc bà L đứng ra làm chứng cho rằng bà A1 có vay tiền của ông A là không khách quan.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Tr (bút lục 59) bà Tr khai: trước đám cưới con bà A1 khoảng 10 ngày bà Tr có qua nhà ông A chơi, lúc đó có nghe bà A1 hỏi mượn tiền của ông A và bà Tr tận mắt thấy ông A đưa tiền cho bà A1, nhưng không biết số tiền bao nhiêu. Lời trình bày của bà Tr không hợp lý vì bà Tr nghe bà A1 hỏi mượn tiền và nhìn thấy ông A đưa tiền cho bà A1 mà lại không biết được số tiền bao nhiêu. Ngoài ra bà Tr khai thấy ông A đưa tiền cho bà A1 tại nhà ông A là mâu thuẫn với lời khai của ông A và bà L, vì theo ông A và bà L khai ông A đưa tiền cho bà A1 50.000.000 đồng tại nhà của bà L. Cho thấy lời khai của bà Tr không khách quan, không đủ tin cậy để làm căn cứ xác định việc bà A1 vay tiền của ông A.

Đối với bà Đỗ Thị Th khai biết được việc ông A cho bà A1 vay tiền là vì nghe ông A nói lại.

Từ những phân tích trên, cho thấy lời khai của những người làm chứng không khách quan, chưa đủ căn cứ xác định việc bà A1 có vay tiền của ông A. Cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của người làm chứng xác định bà A1 có vay của ông A 50.000.000 đồng là không có cơ sở vững chắc.

Do đó, chấp nhận kháng cáo của bà A1 về việc không đồng ý trả cho ông A 50.000.000 đồng tiền vay.

Do sửa án sơ thẩm nên sửa lại tiền án phí, ông A bị bác yêu cầu nên phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: do chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Hồ Thị Xuân A1

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 186/2020/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng: Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ngọc A về việc đòi bà Hồ Thị Xuân A1 và ông Nguyễn Văn L trả số tiền vay vốn 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về việc: không chấp nhận yêu cầu của ông A đòi bà A1 và ông L trả 70.000.000 đồng, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông A về việc đòi chị Nguyễn Ngọc H cùng có trách nhiệm trả nợ với bà A1, đình chỉ yêu cầu của ông A về việc yêu cầu tính tiền lãi không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn Ngọc A chịu 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.080.000đ (Bốn triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số N⁰0007614 ngày 23/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Ông A còn phải nộp thêm 1.920.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Người kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Hoàn trả bà Hồ Thị Xuân A1 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nộp ngày 31/7/2020 theo các biên lai thu số 0008360 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Tổ Nghiệp vụ TAND tỉnh VL;
- TAND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Đường sự: Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Chi

